



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT  
BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ TĨNH**

**Báo cáo tài chính hợp nhất  
giữa niên độ**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016**

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 34

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và Công ty con đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 28.03.000151 ngày 12/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2014 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

### Công ty con

Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE thành lập ngày 05/06/2012 với vốn điều lệ 13.500.000.000 đồng do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.

*Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:* 22.310.580.000 đồng.  
*Vốn góp thực tế tại thời điểm 30/06/2016:* 22.310.580.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 58 Phan Đình Phùng, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 039.3859708
- Fax: (84) 039.3892839
- Website: www.hbec.com.vn
- Email: gdhbec@gmail.com

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng Nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới Nhà nước cấm);
- Đại lý du lịch;

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 29 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 6 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                          |            |                          |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Hoàng Lê Bách      | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 09/09/2014 |
| • Ông Đồng Văn Hùng      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Ông Lê Anh Quân        | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Vân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Bà Trần Thị Thu Hà     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05/04/2015 |

### Ban Kiểm soát

- |                     |            |                              |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Yến | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 18/05/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 18/05/2014 |
| • Bà Đào Thị Thủy   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/05/2014     |

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                          |                     |                              |
|--------------------------|---------------------|------------------------------|
| • Bà Trần Thị Thu Hà     | Quyền Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09/09/2014     |
| • Bà Hồ Thị Nga          | Phó Tổng Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 02/02/2015     |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Phó Tổng Giám đốc   | Bổ nhiệm lại ngày 09/09/2014 |
|                          | Kiểm Kế toán trưởng |                              |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

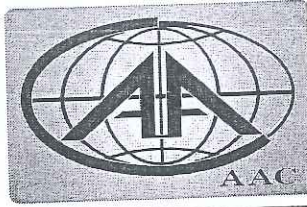
Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Quyền Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 08 năm 2016



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dnng.vn  
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 811/BCSX-AAC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được lập ngày 03/08/2016 của Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 34.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 08 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B 01 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT – BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>14.734.064.119</b>	<b>9.803.494.430</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>3.796.056.333</b>	<b>5.492.460.898</b>
1. Tiền	111		1.796.056.333	976.616.453
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	4.515.844.445
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.323.549.748</b>	<b>2.361.048.165</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.227.024.622	2.986.183.327
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.434.125.007	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.117.600.870	1.046.611.006
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	517.357.120	320.308.429
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.972.557.871)	(1.992.054.597)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>5.451.816.707</b>	<b>1.884.267.920</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.552.312.443	1.984.763.656
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(100.495.736)	(100.495.736)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>162.641.331</b>	<b>65.717.447</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	91.338.706	19.597.002
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.182.180	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16.b	46.120.445	46.120.445
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>17.454.698.195</b>	<b>18.588.775.107</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>361.433.500</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	361.433.500
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.662.390.505</b>	<b>17.280.385.357</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	15.947.186.505	16.565.181.357
- Nguyên giá	222		21.871.780.710	21.871.780.710
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.924.594.205)	(5.306.599.353)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	715.204.000	715.204.000
- Nguyên giá	228		747.204.000	747.204.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.000.000)	(32.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>792.307.690</b>	<b>946.956.250</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	792.307.690	946.956.250
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>32.188.762.314</b>	<b>28.392.269.537</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>8.127.013.541</b>	<b>4.830.710.768</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.127.013.541</b>	<b>4.775.710.768</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.077.896.516	2.296.745.474
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.080.638	1.552.220
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.a	183.439.464	94.617.746
4. Phải trả người lao động	314		364.322.239	785.782.287
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	438.250.062	483.188.419
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	1.010.000.000	1.065.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		48.024.622	48.824.622
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>55.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	55.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>24.061.748.773</b>	<b>23.561.558.769</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	19	<b>24.061.748.773</b>	<b>23.561.558.769</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	22.310.580.000	22.310.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.310.580.000	22.310.580.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	19	637.870.381	637.870.381
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	557.379.520	557.379.520
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	555.918.872	55.728.868
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		55.728.868	(1.724.660.600)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		500.190.004	1.780.389.468
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>32.188.762.314</b>	<b>28.392.269.537</b>

Quyền Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hồ Thị Hà



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 02 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	12.449.722.085	17.290.339.495
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	37.184.404	9.231.903
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		12.412.537.681	17.281.107.592
4. Giá vốn hàng bán	11	23	10.379.595.188	14.827.748.027
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		<u>2.032.942.493</u>	<u>2.453.359.565</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	104.070.359	35.401.272
7. Chi phí tài chính	22	25	196.718	20.119.106
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	19.727.822
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	26.a	589.270.149	792.803.306
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	1.085.814.002	1.261.632.099
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>461.731.983</u>	<u>414.206.326</u>
11. Thu nhập khác	31		67.293.909	167.097.247
12. Chi phí khác	32	27	1.162.494	2.339.568
13. Lợi nhuận khác	40		<u>66.131.415</u>	<u>164.757.679</u>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>527.863.398</u>	<u>578.964.005</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	27.673.394	41.392.982
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(6.934.902)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>500.190.004</u>	<u>544.505.925</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		500.190.004	544.505.925
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	224	244
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	224	244



Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Hồ Thị Hà

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 03 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT – BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		527.863.398	578.964.005
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	13	617.994.852	609.253.884
- Các khoản dự phòng	03		(19.496.726)	(21.530.912)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23	(104.070.359)	(99.037.635)
- Chi phí lãi vay	06		-	19.727.822
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		1.022.291.165	1.087.377.164
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.897.197.173)	(103.346.650)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.567.548.787)	(2.449.328.242)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể			3.392.664.136	1.569.581.402
lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11			
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		82.906.856	(95.280.561)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(23.187.065)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(68.234.757)	(27.543.348)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.114.597
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(800.000)	(1.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(2.035.918.560)</b>	<b>(41.112.703)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	63.636.363
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(156.975.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		290.443.636	269.432.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23	104.070.359	35.401.272
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>394.513.995</b>	<b>211.494.635</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	18	70.000.000	1.393.200.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(125.000.000)	(1.984.121.053)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(55.000.000)</b>	<b>(590.921.053)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(1.696.404.565)</b>	<b>(420.539.121)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	5.492.460.898	1.770.543.492
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	5	<b>3.796.056.333</b>	<b>1.350.004.371</b>



Quyền Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Hồ Thị Hà

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 – DN/HN  
Ban hành theo TT số  
202/2014/TT - BTC ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 28.03.000151 ngày 12/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2014 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:** Kinh doanh thương mại các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục...; Giáo dục mầm non.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng Nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới Nhà nước cấm);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

### **1.4. Cấu trúc Công ty**

Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

#### **Công ty con được hợp nhất:**

##### **Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE**

- Trụ sở chính: Đường Hoàng Hà, Thôn Tân Trung, Xã Thạch Trung, Thành Phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục thể thao và giải trí; Giáo dục văn hóa nghệ thuật; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Đại lý; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).
- Vốn điều lệ: 13.500.000.000 đồng, tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 (bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày theo qui định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con.

##### Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

##### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

##### Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

### 4.7 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

### 4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.9 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### 4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)** (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp

### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.18 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Đối với sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo dục mầm non: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Đối với hoạt động bán sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất là 5%;
  - ✓ Đối với hoạt động bán văn phòng phẩm và thiết bị khác...: Áp dụng mức thuế suất là 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Riêng thu nhập từ Dự án Trường mầm non Hoa Sen (thuộc Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE) được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2009 là năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế, do đó dự án được miễn thuế 4 năm (2009 – 2012) và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo (2013 – 2017). Các ưu đãi trên được qui định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000031 ngày 10/11/2008 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt	531.862.946	204.944.724
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.264.193.387	771.671.729
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng	2.000.000.000	4.515.844.445
<b>Cộng</b>	<b>3.796.056.333</b>	<b>5.492.460.898</b>

### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
Phòng Giáo dục Lộc Hà	-	476.442.240
Tâm Thông - Kỳ Anh	551.044.763	551.044.763
Công ty Cổ phần Phát hành sách Hà Tĩnh	335.473.622	-
Lê Thị Thanh (Hương Sơn - Hà Tĩnh)	397.328.412	-
Nguyễn Thị Hiền (Kỳ Anh - Hà Tĩnh)	969.701.392	-
Các đối tượng khác	973.476.433	1.958.696.324
<b>Cộng</b>	<b>3.227.024.622</b>	<b>2.986.183.327</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

**a. Ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.899.502.977	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển trường PTCN Giáo dục	534.615.500	-
Các đối tượng khác	6.530	-
<b>Cộng</b>	<b>2.434.125.007</b>	<b>-</b>

**b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	1.899.502.977	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục	Chung Công ty đầu tư	534.615.500	-
<b>Cộng</b>		<b>2.434.118.477</b>	<b>-</b>

**8. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
Phải thu cá nhân vay mua cổ phiếu (gốc + lãi) (*)	1.046.611.006	1.046.611.006
Các khoản cho vay khác	70.989.864	-
<b>Cộng</b>	<b>1.117.600.870</b>	<b>1.046.611.006</b>

(\*) Là khoản cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành thêm năm 2010 theo các cam kết vay tiền ngày 30/12/2009, lãi suất vay 1%/tháng. Hiện nay, số cán bộ công nhân viên này đã nghỉ việc và Công ty không thu hồi được nợ gốc cũng như lãi đối với các khoản cho vay này. Do đó, toàn bộ khoản nợ phải thu quá hạn đã được trích lập dự phòng, số tiền: 1.046.611.006 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Công nghiệp HBE	56.388.445	(56.388.445)	63.644.371	(63.644.371)
Tạm ứng	142.859.800	-	137.754.163	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội	-	-	3.807.183	-
Các khoản phải thu khác	318.108.875	(13.486.619)	115.102.712	(13.486.617)
<b>Cộng</b>	<b>517.357.120</b>	<b>(69.875.064)</b>	<b>320.308.429</b>	<b>(77.130.988)</b>

**10. Dự phòng phải thu khó đòi**

**a. Ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	1.972.557.871	1.992.054.597
- Từ 3 năm trở lên	1.972.557.871	1.992.054.597
<b>Cộng</b>	<b>1.972.557.871</b>	<b>1.992.054.597</b>

**b. Nợ xấu**

	30/06/2016			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Ghi chú
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>856.071.801</b>	-		
- Anh Sơn - Kỳ Trinh - Kỳ Anh	66.366.008	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Tâm Thông - Kỳ Anh	551.044.763	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Các đối tượng khác	238.661.030	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>1.046.611.006</b>	-		
- Phải thu cá nhân	1.046.611.006	-	Trên 3 năm	CBCNV đã nghỉ việc
vay mua cổ phiếu (gốc + lãi)				
<b>Phải thu khác</b>	<b>69.875.062</b>	-		
- Công ty TNHH Công nghiệp HBE	56.388.445	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Các đối tượng khác	13.486.617	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
<b>Cộng</b>	<b>1.972.557.869</b>	<b>-</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

01/01/2016

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Ghi chú
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>868.312.603</b>	-		
- Anh Sơn - Kỳ Trinh - Kỳ Anh	70.366.008	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Tâm Thông - Kỳ Anh	551.044.763	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Các đối tượng khác	246.901.832	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>1.046.611.006</b>	-		
- Phải thu cá nhân	1.046.611.006	-	Trên 3 năm	CBCNV đã nghỉ việc
vay mua cổ phiếu (gốc + lãi)				
<b>Phải thu khác</b>	<b>77.130.988</b>	-		
- Công ty TNHH Công nghiệp HBE	63.644.371	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Các đối tượng khác	13.486.617	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
<b>Cộng</b>	<b>1.992.054.597</b>	<b>-</b>		

**11. Hàng tồn kho**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.463.438	-	15.666.223	-
Hàng hóa	5.536.849.005	(100.495.736)	1.969.097.433	(100.495.736)
<b>Cộng</b>	<b>5.552.312.443</b>	<b>(100.495.736)</b>	<b>1.984.763.656</b>	<b>(100.495.736)</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2016 là 236.171.437 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch bán giảm giá đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2016.

**12. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí bảo hiểm	11.971.000	-
Chi phí sửa chữa tài sản	-	3.780.002
Chi phí bảo trì phần mềm	5.000.000	11.000.000
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	4.817.000
Chi phí thuê đất	74.367.706	-
<b>Cộng</b>	<b>91.338.706</b>	<b>19.597.002</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Dài hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	497.621.928	571.981.909
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (*)	179.780.446	181.990.861
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	114.905.316	192.983.480
<b>Cộng</b>	<b>792.307.690</b>	<b>946.956.250</b>

(\*) Là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của 2.677,1 m<sup>2</sup> đất tại Phường Thạch Quý, Thành phố Hà Tĩnh. Đây là thửa đất thuê của Nhà nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB450981 ngày 02/07/2011 của Sở Tài nguyên Tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian thuê đất đến 01/03/2056, tiền thuê đất trả hàng năm. Hiện nay, quyền sử dụng đất này đang được sử dụng làm nhà kho.

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	19.659.127.528	2.145.835.000	66.818.182	21.871.780.710
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.659.127.528</b>	<b>2.145.835.000</b>	<b>66.818.182</b>	<b>21.871.780.710</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	4.011.400.435	1.275.029.725	20.169.193	5.306.599.353
Khấu hao trong kỳ	450.236.546	158.955.277	8.803.029	617.994.852
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.461.636.981</b>	<b>1.433.985.002</b>	<b>28.972.222</b>	<b>5.924.594.205</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	15.647.727.093	870.805.275	46.648.989	16.565.181.357
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>15.197.490.547</b>	<b>711.849.998</b>	<b>37.845.960</b>	<b>15.947.186.505</b>

- ✓ Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2016.
- ✓ Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 241.120.000 đồng.
- ✓ Không có các cam kết về việc mua lại các tài sản cố định có giá trị lớn trong tương lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	715.204.000	32.000.000	747.204.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>715.204.000</b>	<b>32.000.000</b>	<b>747.204.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	-	32.000.000	32.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>32.000.000</b>	<b>32.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	715.204.000	-	715.204.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>715.204.000</b>	<b>-</b>	<b>715.204.000</b>

(\*) Là quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 172,8 m<sup>2</sup> tại 58 Phan Đình Phùng, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG481394 ngày 13/05/2013 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2016.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 32.000.000 đồng.

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH XD và TM Tiến Long	84.677.150	84.677.150
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	475.784.790
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục	-	176.575.162
Công ty Cổ phần Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi	65.382.545	196.031.550
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	4.490.335.048	-
Các đối tượng khác	1.437.501.773	1.363.676.822
<b>Cộng</b>	<b>6.077.896.516</b>	<b>2.296.745.474</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	4.490.335.048	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	-	475.784.790
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục	Chung Công ty đầu tư	-	176.575.162
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	105.185.140	4.761.510
<b>Cộng</b>		<b><u>4.595.520.188</u></b>	<b><u>657.121.462</u></b>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	26.108.079	65.056.974	91.019.095	145.958
Thuế thu nhập doanh nghiệp	68.234.757	27.673.394	68.234.757	27.673.394
Thuế thu nhập cá nhân	274.910	3.597.000	274.910	3.597.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	156.353.915	4.330.803	152.023.112
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>94.617.746</u></b>	<b><u>258.681.283</u></b>	<b><u>169.859.565</u></b>	<b><u>183.439.464</u></b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

b. Phải thu

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế TNDN	46.120.445	-	-	46.120.445
<b>Cộng</b>	<b><u>46.120.445</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>46.120.445</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. Phải trả khác ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
Tài sản thừa chờ xử lý	16.006.640	3.531.451
Kinh phí công đoàn	58.989.671	83.027.958
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	25.304.934	19.907.375
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	155.000.000	170.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	182.948.817	206.721.635
<b>Cộng</b>	<b>438.250.062</b>	<b>483.188.419</b>

**18. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn (cá nhân) (*)	515.000.000	70.000.000	125.000.000	460.000.000
Sở Tài chính (**)	550.000.000	-	-	550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.065.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>125.000.000</b>	<b>1.010.000.000</b>

(\*) Là các khoản vay cán bộ công nhân viên theo các thỏa thuận hỗ trợ vốn tại công ty mẹ; theo đó: đến khi nào Công ty làm thủ tục tăng vốn thì số tiền này sẽ chuyển thành tiền mua cổ phần hoặc sẽ có thỏa thuận khác, nếu cá nhân nghỉ việc, chuyển việc thì Công ty sẽ hoàn trả lại tiền; Lãi suất: Bằng với tỷ lệ cổ tức Công ty chi trả cho các cổ đông hằng năm.

(\*\*) Phải trả Sở Tài chính Hà Tĩnh phát sinh từ 2 hợp đồng vay vốn giữa Công ty Cổ phần Sách - TBTH Hà Tĩnh và Sở Tài chính Hà Tĩnh, cụ thể:

- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 03/02/2005, số tiền vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 năm bắt đầu từ ngày 03/02/2005 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Xây dựng đề án ứng dụng công nghệ thông tin.
- Hợp đồng vay vốn trung dài hạn ngày 05/06/2006, số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm bắt đầu từ ngày 05/06/2006 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Đầu tư dự án xây dựng kho và xưởng sản xuất thiết bị giáo dục – đồ chơi trẻ em.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 19. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	22.310.580.000	637.870.381	557.379.520	(1.724.660.600)	21.781.169.301
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.797.944.080	1.797.944.080
Giảm trong kỳ	-	-	-	17.554.612	17.554.612
Số dư tại 31/12/2015	<u>22.310.580.000</u>	<u>637.870.381</u>	<u>557.379.520</u>	<u>55.728.868</u>	<u>23.561.558.769</u>
Số dư tại 01/01/2016	22.310.580.000	637.870.381	557.379.520	55.728.868	23.561.558.769
Tăng trong kỳ	-	-	-	500.190.004	500.190.004
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2016	<u>22.310.580.000</u>	<u>637.870.381</u>	<u>557.379.520</u>	<u>555.918.872</u>	<u>24.061.748.773</u>

#### b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	11.149.230.000	11.149.230.000
Các cổ đông khác	11.161.350.000	11.161.350.000
<b>Cộng</b>	<u>22.310.580.000</u>	<u>22.310.580.000</u>

#### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	22.310.580.000	22.310.580.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	22.310.580.000	22.310.580.000
Cổ tức đã chia	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu phổ thông	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu phổ thông	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu phổ thông	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

**e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	55.728.868	(1.724.660.600)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	500.190.004	544.505.925
Phân phối lợi nhuận	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>555.918.872</b>	<b>(1.180.154.675)</b>

**20. Nợ khó đòi đã xử lý**

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Trường tiểu học Bắc thị trấn Kỳ Anh	6.503.952	Nợ không thu hồi được
Phòng Giáo dục Cẩm Xuyên (Anh Chí)	9.250.000	Nợ không thu hồi được
Công ty Cổ phần Thương mại Hồng Hà	10.100.000	Nợ không thu hồi được
Nợ khó đòi đã xử lý	86.715.853	Nợ không thu hồi được
	<b>112.569.805</b>	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	6.022.765.812	10.333.940.980
Doanh thu thiết bị giáo dục	268.631.854	380.793.479
Doanh thu văn phòng phẩm	1.037.924.063	1.215.299.923
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác	1.298.870.356	983.174.113
Doanh thu trường mầm non	3.821.530.000	4.377.131.000
<b>Cộng</b>	<b>12.449.722.085</b>	<b>17.290.339.495</b>

### 22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Hàng bán bị trả lại	37.184.404	9.231.903
<b>Cộng</b>	<b>37.184.404</b>	<b>9.231.903</b>

### 23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	5.490.319.846	9.451.983.355
Giá vốn thiết bị giáo dục	194.258.840	313.069.800
Giá vốn văn phòng phẩm	716.587.522	873.326.229
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác	917.185.634	748.958.639
Giá vốn Trường mầm non	3.061.243.346	3.442.363.787
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.953.783)
<b>Cộng</b>	<b>10.379.595.188</b>	<b>14.827.748.027</b>

### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	104.070.359	35.401.272
<b>Cộng</b>	<b>104.070.359</b>	<b>35.401.272</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**25. Chi phí tài chính**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí lãi vay	-	19.727.822
Chi phí tài chính khác	196.718	391.284
<b>Cộng</b>	<b>196.718</b>	<b>20.119.106</b>

**26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a. Chi phí bán hàng**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nhân công	339.349.554	606.180.667
Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ CCDC	174.706.293	131.094.522
Các khoản khác	75.214.302	55.528.117
<b>Cộng</b>	<b>589.270.149</b>	<b>792.803.306</b>

**b. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nhân công	434.774.861	640.384.235
Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ CCDC	166.264.475	120.799.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.215.166	95.763.673
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(19.496.726)	(19.577.129)
Chi các khoản khác	384.056.226	424.261.663
<b>Cộng</b>	<b>1.085.814.002</b>	<b>1.261.632.099</b>

**27. Thu nhập khác**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi từ bán thanh lý tài sản cố định	-	63.636.363
Phạt vi phạm hợp đồng lao động	-	24.000.000
Tặng phí phát hành sách	33.698.036	-
Bán thanh lý giá kê	-	38.390.909
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
Các khoản thu nhập khác	33.595.873	41.069.975
<b>Cộng</b>	<b>67.293.909</b>	<b>167.097.247</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	527.863.398	578.964.005
Điều chỉnh các khoản để xác định TN chịu thuế	(121.006.183)	(17.954.540)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	57.209.531	11.631.367
- Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	57.209.531	391.284
- Lỗ tại công ty con	-	11.240.083
+ Các khoản điều chỉnh giảm	178.215.714	29.585.907
- Điều chỉnh dự phòng đã trích lập	-	11.240.083
- Chuyển lỗ các năm trước	178.215.714	18.345.824
Tổng thu nhập chịu thuế	406.857.215	561.009.465
- Thu nhập từ hoạt động giáo dục	357.986.989	472.059.406
- Thu nhập từ hoạt động khác	48.870.226	88.950.059
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.572.744	64.995.952
- Thuế TNDN từ hoạt động giáo dục	35.798.699	47.205.941
- Thuế TNDN từ hoạt động khác	9.774.045	17.790.011
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	17.899.350	23.602.970
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>27.673.394</b>	<b>41.392.982</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	27.673.394	41.392.982
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

**29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	500.190.004	544.505.925
Các khoản đc tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
Lợi nhuận/Lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	500.190.004	544.505.925
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.231.058	2.231.058
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>224</b>	<b>244</b>

**30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	739.406.686	1.276.391.917
Chi phí nhân công	2.209.399.717	2.695.533.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	617.994.852	609.253.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	815.402.914	563.540.844
Chi phí khác bằng tiền	373.620.054	371.656.338
<b>Cộng</b>	<b>4.755.824.223</b>	<b>5.516.376.321</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

6 tháng đầu năm 2016 CHỈ TIÊU	Lĩnh vực giáo dục	Lĩnh vực thương mại	Tổng
Doanh thu bộ phận	3.821.530.000	8.591.007.681	12.412.537.681
Giá vốn hàng bán	3.061.243.346	7.318.351.842	10.379.595.188
Chi phí bán hàng	-	589.270.149	589.270.149
Chi phí quản lý doanh nghiệp	396.992.902	688.821.100	1.085.814.002
<b>Lãi (lỗ) hoạt động kinh doanh</b>	<b>363.293.752</b>	<b>(5.435.410)</b>	<b>357.858.342</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	4.174.602	99.895.757	104.070.359
Chi phí hoạt động tài chính	-	196.718	196.718
<b>Lãi (lỗ) hoạt động tài chính</b>	<b>4.174.602</b>	<b>99.699.039</b>	<b>103.873.641</b>
Thu nhập khác	-	67.293.909	67.293.909
Chi phí khác	478.763	683.731	1.162.494
<b>Lãi (lỗ) hoạt động khác</b>	<b>(478.763)</b>	<b>66.610.178</b>	<b>66.131.415</b>
Lợi nhuận trước thuế	366.989.591	160.873.807	527.863.398
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.673.394	-	27.673.394
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>339.316.197</b>	<b>160.873.807</b>	<b>500.190.004</b>
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 CHỈ TIÊU	Lĩnh vực giáo dục	Lĩnh vực thương mại	Tổng
- Tài sản ngắn hạn	568.107.718	14.165.956.401	14.734.064.119
- Tài sản dài hạn	12.744.723.418	4.709.974.777	17.454.698.195
<b>Tổng tài sản</b>	<b>13.312.831.136</b>	<b>18.875.931.178</b>	<b>32.188.762.314</b>
- Nợ ngắn hạn	852.991.226	7.274.022.315	8.127.013.541
- Nợ dài hạn	-	-	-
<b>Tổng nợ</b>	<b>852.991.226</b>	<b>7.274.022.315</b>	<b>8.127.013.541</b>
Khấu hao trong kỳ	436.782.986	181.211.866	617.994.852
Tài sản cố định tăng trong kỳ	-	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6 tháng đầu năm 2015	Lĩnh vực giáo dục	Lĩnh vực thương mại	Tổng
CHỈ TIÊU			
Doanh thu bộ phận	4.373.502.000	12.907.605.592	17.281.107.592
Giá vốn hàng bán	3.442.363.787	11.385.384.240	14.827.748.027
Chi phí bán hàng	850.000	791.953.306	792.803.306
Chi phí quản lý doanh nghiệp	458.228.807	803.403.292	1.261.632.099
<b>Lãi (lỗ) hoạt động kinh doanh</b>	<b>472.059.406</b>	<b>(73.135.246)</b>	<b>398.924.160</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	9.915.004	25.486.268	35.401.272
Chi phí hoạt động tài chính	12.661.033	7.458.073	20.119.106
<b>Lãi (lỗ) hoạt động tài chính</b>	<b>(2.746.029)</b>	<b>18.028.195</b>	<b>15.282.166</b>
Thu nhập khác	78.629.088	88.468.159	167.097.247
Chi phí khác	-	2.339.568	2.339.568
<b>Lãi (lỗ) hoạt động khác</b>	<b>78.629.088</b>	<b>86.128.591</b>	<b>164.757.679</b>
Lợi nhuận trước thuế	547.942.465	31.021.540	578.964.005
Chi phí thuế TNDN hiện hành	41.392.982	-	41.392.982
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(6.934.902)	(6.934.902)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>506.549.483</b>	<b>37.956.442</b>	<b>544.505.925</b>
<b>Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục</b>	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>CHỈ TIÊU</b>			
- Tài sản ngắn hạn	551.834.451	9.251.659.979	9.803.494.430
- Tài sản dài hạn	13.307.057.645	5.281.717.462	18.588.775.107
<b>Tổng tài sản</b>	<b>13.858.892.096</b>	<b>14.533.377.441</b>	<b>28.392.269.537</b>
- Nợ ngắn hạn	1.067.922.759	3.707.788.009	4.775.710.768
- Nợ dài hạn	55.000.000	-	55.000.000
<b>Tổng nợ</b>	<b>1.122.922.759</b>	<b>3.707.788.009</b>	<b>4.830.710.768</b>
Khấu hao trong kỳ	873.565.932	356.236.865	1.229.802.797
Tài sản cố định tăng trong kỳ	-	31.818.182	31.818.182

**32. Quản lý rủi ro**

**a. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

### *Quản lý rủi ro về giá*

Đối với lĩnh vực thương mại, Công ty mua hàng chủ yếu từ các Công ty thuộc hệ thống Nhà Xuất bản Việt Nam. Trong đó mặt hàng chủ yếu là sách giáo khoa và sách tham khảo; do đó chịu sự rủi ro từ việc thay đổi tỷ lệ chiết khấu trên giá bìa. Chính sách chiết khấu sẽ thay đổi theo thời hạn thanh toán, theo phương thức mua trả tiền mặt hay mua nợ. Để có được tỷ lệ chiết khấu cao, Công ty có chính sách thu hồi công nợ và huy động nguồn vốn vay để tối đa hóa lợi ích từ chiết khấu được hưởng.

Đối với lĩnh vực đào tạo mầm non, chi phí chính là chi phí nhân công, các chi phí nguyên liệu thực phẩm, nhiên liệu; nếu có biến động lớn thì giá dịch vụ suất ăn và đưa đón cũng biến động theo nên Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty hầu như không chịu rủi ro về giá.

### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có một số khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tồn đọng nhiều năm không phát sinh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng, hiện nay, Công ty có rủi ro tín dụng. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng thì các khoản nợ khó đòi đều được Công ty theo dõi, có biện pháp thu hồi cụ thể và lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành. Đối với lĩnh vực đào tạo mầm non, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì học phí phải thu giá trị không lớn, phân bổ cho nhiều khách hàng và đều được thu tiền ngay.

### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.077.896.516	-	6.077.896.516
Vay và nợ thuê tài chính	1.010.000.000	-	1.010.000.000
Phải trả khác	337.948.817	-	337.948.817
<b>Cộng</b>	<b>7.425.845.333</b>	<b>-</b>	<b>7.425.845.333</b>
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.296.745.474	-	2.296.745.474
Vay và nợ thuê tài chính	1.065.000.000	-	1.065.000.000
Phải trả khác	376.721.635	55.000.000	431.721.635
<b>Cộng</b>	<b>3.738.467.109</b>	<b>55.000.000</b>	<b>3.793.467.109</b>

Hiện tại, Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.796.056.333	-	3.796.056.333
Phải thu khách hàng	2.370.952.821	-	2.370.952.821
Phải thu về cho vay	70.989.864	-	70.989.864
Phải thu khác	304.622.256	-	304.622.256
<b>Cộng</b>	<b>6.542.621.274</b>	<b>-</b>	<b>6.542.621.274</b>
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.492.460.898	-	5.492.460.898
Phải thu khách hàng	2.117.870.724	-	2.117.870.724
Phải thu về cho vay	-	361.433.500	361.433.500
Phải thu khác	101.616.095	-	101.616.095
<b>Cộng</b>	<b>7.711.947.717</b>	<b>361.433.500</b>	<b>8.073.381.217</b>

**33. Các bên liên quan**

**a. Thông tin về các bên liên quan**

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển	Chung Công ty đầu tư
Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên có liên quan trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	Mua sách các loại	4.533.651.188	6.857.479.188
Công ty Cổ phần ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	3.014.774.469	4.118.133.005
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển	Mua sách các loại	368.342.620	-
Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục			

### c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	239.045.756	181.639.000
Thù lao Hội đồng quản trị	88.388.000	-

### 34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### 35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Quyền Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Hồ Thị Hà